

Số: 169 /TM-BVYD  
V/v mời chào giá vật tư y tế

*Tuyên Quang, ngày 05 tháng 3 năm 2025*

## **YÊU CẦU BÁO GIÁ**

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Bệnh viện Y dược cổ truyền Tuyên Quang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm vật tư y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện Y dược cổ truyền Tuyên Quang với nội dung cụ thể như sau:

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Y dược cổ truyền Tuyên Quang;

Địa chỉ: Số 38, Đường Tuệ Tĩnh, Phường Tân Hà, TP Tuyên Quang

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá

Nguyễn Văn Thuật – khoa Dược; Số điện thoại: 0915.935.355; Địa chỉ Email: dsthuatdy@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Đề nghị các hãng sản xuất, các nhà cung cấp gửi bản giấy báo giá có đóng dấu và gửi kèm bản mô tả về tính năng thông số kỹ thuật, quy cách đóng gói và các tài liệu có liên quan về địa chỉ: Bệnh viện Y dược cổ truyền Tuyên Quang, Số 38, Đường Tuệ Tĩnh, Phường Tân Hà, TP Tuyên Quang. Và đồng thời gửi kèm file excel báo giá đến địa chỉ email: dsthuatdy@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 06 tháng 3 năm 2025 đến trước 17h ngày 16 tháng 3 năm 2025.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 16 tháng 3

năm 2025.

## **II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Danh mục vật tư y tế (chi tiết tại phụ lục đính kèm)

Đề nghị các hãng sản xuất, các nhà cung cấp mô tả đầy đủ về tính năng thông số kỹ thuật, quy cách đóng gói và các tài liệu có liên quan.

(Lưu ý: Mỗi mặt hàng VTYT là một phần trong báo giá, các hãng sản xuất, các nhà cung cấp có thể báo giá một phần hoặc nhiều phần trong danh mục phụ lục đính kèm)

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Y dược cổ truyền Tuyên Quang, Số 38, Đường Tuệ Tĩnh, Phường Tân Hà, TP Tuyên Quang.

Bệnh viện Y dược cổ truyền Tuyên Quang rất mong nhận được báo giá của các hãng sản xuất, nhà cung cấp vật tư y tế và cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan./.

### **Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Phòng KHTH-CNTT-ĐD để đăng Website bệnh viện, [muasamcong.mpi.gov.vn](http://muasamcong.mpi.gov.vn);
- Lưu VT, KD.



**GIÁM ĐỐC**

**Ngô Văn Hoàn**



**PHỤ LỤC DANH MỤC KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VẬT TƯ Y TẾ**

(Kèm theo thư mời báo giá số: 169/TM-BVYD ngày 04/3/2025 của Bệnh viện Y dược cổ truyền Tuyên Quang)

| STT | Tên Vật tư                                 | Quy cách đóng gói | Yêu cầu về kỹ thuật (đặc tính kỹ thuật, thiết kế công nghệ) hoặc tương đương | Đ.vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------|---------|
| 1   | Anti A                                     |                   |                                                                              | Lọ        | 03       |         |
| 2   | Anti AB                                    |                   |                                                                              | Lọ        | 03       |         |
| 3   | Anti B                                     |                   |                                                                              | Lọ        | 03       |         |
| 4   | ASO                                        |                   |                                                                              | Hộp       | 01       |         |
| 5   | Đầu côn vàng                               |                   |                                                                              | Cái       | 2,000    |         |
| 6   | Đầu côn xanh                               |                   |                                                                              | Cái       | 2,000    |         |
| 7   | Bóng đèn máy nội soi Tai Mũi Họng          |                   |                                                                              | Cái       | 02       |         |
| 8   | Gel KY                                     |                   |                                                                              | Tuýp      | 50       |         |
| 9   | Gel siêu âm                                |                   |                                                                              | Can       | 15       |         |
| 10  | Giấy in ảnh siêu âm                        |                   |                                                                              | Cuộn      | 100      |         |
| 11  | Giấy in máy nước tiểu                      |                   |                                                                              | Cuộn      | 500      |         |
| 12  | Ống nghiệm EDTA K2                         |                   |                                                                              | Ống       | 12,000   |         |
| 13  | Ống lấy máu (có Heparine)                  |                   |                                                                              | Ống       | 12,000   |         |
| 14  | Phim X Quang (20 x 25cm)                   |                   |                                                                              | Tờ        | 8,000    |         |
| 15  | Sample cups                                |                   |                                                                              | Hộp       | 01       |         |
| 16  | Test AFP                                   |                   |                                                                              | Test      | 100      |         |
| 17  | Test RF                                    |                   |                                                                              | Test      | 200      |         |
| 18  | Test CRP                                   |                   |                                                                              | Test      | 200      |         |
| 19  | Test nhanh phát hiện kháng nguyên H.pylori |                   |                                                                              | Test      | 100      |         |
| 20  | Test nhanh chẩn đoán HBsAg                 |                   |                                                                              | Test      | 200      |         |
| 21  | Test nhanh HCV                             |                   |                                                                              | Test      | 200      |         |
| 22  | Test nhanh chuẩn đoán HIV 1/2              |                   |                                                                              | Test      | 200      |         |
| 23  | Test nước tiểu 10 thông số                 |                   |                                                                              | Test      | 2,000    |         |



|    |                                    |  |  |       |           |  |
|----|------------------------------------|--|--|-------|-----------|--|
| 24 | Bơm tiêm 1 ml                      |  |  | Cái   | 200       |  |
| 25 | Bơm tiêm 10 ml                     |  |  | Cái   | 40,000    |  |
| 26 | Bơm tiêm 20ml                      |  |  | Cái   | 6,000     |  |
| 27 | Bơm tiêm 50ml                      |  |  | Cái   | 50        |  |
| 28 | Bơm tiêm 5ml                       |  |  | Cái   | 120,000   |  |
| 29 | Dây truyền dịch có kim cánh bướm   |  |  | Cái   | 3,000     |  |
| 30 | Kim châm cứu các loại, các cỡ      |  |  | Cái   | 2,000,000 |  |
| 31 | Kim chích máu                      |  |  | Cái   | 2,000     |  |
| 32 | Kim chọc dò tủy sống các cỡ        |  |  | Cái   | 500       |  |
| 33 | Kim lấy thuốc các số               |  |  | Cái   | 15,000    |  |
| 34 | Kim luồn tĩnh mạch các số          |  |  | Cái   | 80,000    |  |
| 35 | Kim cánh bướm các số               |  |  | Cái   | 100       |  |
| 36 | Kim quang dẫn laser nội mạch       |  |  | Cái   | 8,000     |  |
| 37 | Băng dính cá nhân                  |  |  | Miếng | 3,000     |  |
| 38 | Băng dính lụa 5cm x 5m             |  |  | Cuộn  | 3,000     |  |
| 39 | Bông hút                           |  |  | Kg    | 350       |  |
| 40 | Chỉ Catgut Chromic 4/0             |  |  | Sợi   | 500       |  |
| 41 | Chỉ phẫu thuật VICRYL số 2/0       |  |  | Sợi   | 200       |  |
| 42 | Cồn 70 độ                          |  |  | Lít   | 1,000     |  |
| 43 | Cồn 90 độ                          |  |  | Lít   | 1,000     |  |
| 44 | Dung dịch rửa tay phẫu thuật.      |  |  | Chai  | 100       |  |
| 45 | Dung dịch rửa tay sát khuẩn        |  |  | Chai  | 2,000     |  |
| 46 | Gạc hút                            |  |  | Mét   | 300       |  |
| 47 | Gạc phẫu thuật không dệt           |  |  | Miếng | 10,000    |  |
| 48 | Găng tay cao su y tế có bột các cỡ |  |  | Đôi   | 150,000   |  |
| 49 | Găng tay PT tiệt trùng các số      |  |  | Đôi   | 5,000     |  |
| 50 | Dung dịch Javen                    |  |  | Lít   | 20        |  |
| 51 | Cide ZYME 2258                     |  |  | Lít   | 05        |  |



|    |                                                                          |  |  |      |         |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------|--|--|------|---------|--|
|    | Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ (Steranios)                       |  |  | Lít  | 100     |  |
| 53 | Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ (Hydrogen Peroxide $\geq 7,5\%$ ) |  |  | Lít  | 100     |  |
| 54 | Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ (OPA)                             |  |  | Lít  | 10      |  |
| 55 | Khẩu trang giấy                                                          |  |  | Cái  | 100,000 |  |
| 56 | Mũ giấy                                                                  |  |  | Cái  | 50,000  |  |
| 57 | Bình điện dung (Tụ điện - HV Unit)                                       |  |  | Bình | 03      |  |
| 58 | Bóng đèn Halogen 12V/20W                                                 |  |  | Cái  | 05      |  |
| 59 | Bóng đèn Hồng ngoại                                                      |  |  | Cái  | 50      |  |
| 60 | Dầu parafin                                                              |  |  | Lít  | 50      |  |
| 61 | Đèn hồng ngoại điều trị                                                  |  |  | Cái  | 30      |  |
| 62 | Đĩa điện từ                                                              |  |  | Cái  | 02      |  |
| 63 | Giá cầm ống nghiệm bằng inox                                             |  |  | Cái  | 10      |  |
| 64 | Giá cầm ống Pachekop                                                     |  |  | Cái  | 02      |  |
| 65 | Hộp inox đựng bông cotton                                                |  |  | Cái  | 100     |  |
| 66 | Hộp hấp Inox tròn 35 * 20 cm                                             |  |  | Cái  | 02      |  |
| 67 | Huyết áp đồng hồ có dán tem kiểm định                                    |  |  | Bộ   | 50      |  |
| 68 | Kéo cắt chỉ                                                              |  |  | Cái  | 100     |  |
| 69 | Kéo thẳng nhọn 18 cm                                                     |  |  | Cái  | 200     |  |
| 70 | Kẹp phẫu tích 18cm không mẫu                                             |  |  | Cái  | 10      |  |
| 71 | Khay inox quả đậu                                                        |  |  | Cái  | 100     |  |
| 72 | Máy điện châm                                                            |  |  | Cái  | 30      |  |
| 73 | Ống nghiệm thủy tinh các số                                              |  |  | Cái  | 5,000   |  |
| 74 | Panh cong không mẫu $\geq 16$ cm                                         |  |  | Cái  | 100     |  |



|                               |                                            |  |  |      |       |  |
|-------------------------------|--------------------------------------------|--|--|------|-------|--|
|                               | Panh phẫu thuật<br>thăng không máu >= 26cm |  |  | Cái  | 100   |  |
| 76                            | Panh thăng không<br>máu >=16cm             |  |  | Cái  | 200   |  |
| 77                            | Parafin rắn                                |  |  | Kg   | 3,000 |  |
| 78                            | Sonde Foley 2 nhánh<br>các số              |  |  | Sợi  | 50    |  |
| 79                            | Thấu kính dùng cho<br>máy tán sỏi          |  |  | Cái  | 02    |  |
| 80                            | Túi dẫn lưu nước tiểu                      |  |  | Cái  | 100   |  |
| 81                            | Que thử nước tiểu 11<br>thông số           |  |  | Test | 5,000 |  |
| 82                            | Túi nước (Cashion)<br>dùng cho máy tán sỏi |  |  | Cái  | 02    |  |
| 83                            | Ống nghiệm lưu mẫu<br>huyết thanh          |  |  | Cái  | 1,000 |  |
| 84                            | Cọc truyền dịch                            |  |  | Cái  | 10    |  |
| 85                            | Mask thở Oxy                               |  |  | Cái  | 3,000 |  |
| 86                            | Kim châm cứu nhĩ<br>châm                   |  |  | Cái  | 2,000 |  |
| <b>Tổng cộng: 86 mặt hàng</b> |                                            |  |  |      |       |  |